

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

Số 11B Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Đt: 0274 3842255-3842277-Fax: 0274 3841838-Email: contact@tdmwater.vn-Website: tdmwater.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020
(Đã kiểm toán)**I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: Đồng.

Stt 1	Nội dung 2	31/12/2020 3	01/01/2020 4
I	Tài sản ngắn hạn	202.376.309.727	542.930.188.646
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	52.891.345.771	322.654.141.110
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	118.796.151.706	191.161.415.783
4	Hàng tồn kho	7.415.880.091	4.927.558.434
5	Tài sản ngắn hạn khác	23.272.932.159	24.187.073.319
II	Tài sản dài hạn	2.177.520.012.284	1.807.023.233.712
1	Tài sản cố định	827.818.523.995	714.342.842.170
	- Tài sản cố định hữu hình	774.233.431.687	659.179.630.942
	- Tài sản cố định vô hình	53.585.092.308	55.163.211.228
2	Tài sản dở dang dài hạn	119.268.394.445	227.861.405.540
3	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.227.373.366.687	861.968.882.497
4	Tài sản dài hạn khác	3.059.727.157	2.850.103.505
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	2.379.896.322.011	2.349.953.422.358
IV	Nợ phải trả	724.504.285.062	773.845.165.012
1	Nợ ngắn hạn	424.845.360.227	292.849.569.090
2	Nợ dài hạn	299.658.924.835	480.995.595.922
V	Vốn chủ sở hữu	1.655.392.036.949	1.576.108.257.346
1	Vốn chủ sở hữu	1.655.392.036.949	1.576.108.257.346
	- Vốn góp của chủ sở hữu	1.000.000.003.750	957.000.003.750
	- Thặng dư vốn cổ phần	397.799.321.818	376.374.321.818
	- Quỹ đầu tư phát triển	204.636.436.688	72.778.231.436
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	52.956.274.693	169.955.700.342
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	2.379.896.322.011	2.349.953.422.358

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	385.643.362.193	345.772.085.411
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	385.643.362.193	345.772.085.411
4	Giá vốn hàng bán	181.540.050.811	162.449.632.713
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	204.103.311.382	183.322.452.698
6	Doanh thu hoạt động tài chính	20.406.950.187	72.353.889.220

7	Chi phí tài chính	33.265.581.900	37.937.304.576
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	33.256.366.516	41.624.076.935
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.909.982.715	6.741.440.750
9	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	182.334.696.954	210.997.596.592
10	Thu nhập khác	592.107.598	859.359.769
11	Chi phí khác	148.302.351	82.046.311
12	Lợi nhuận khác	443.805.247	777.313.458
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	182.778.502.201	211.774.910.050
14	Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.818.477.508	7.176.112.790
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	172.960.024.693	204.598.797.260
16	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	1.602	1.971

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2020	01/01/2020
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	91,50	76,90
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	8,50	23,10
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	30,44	32,93
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	69,56	67,07
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,4589	1,8371
	- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	0,4764	1,8540
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	7,27	8,71
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	44,85	59,17
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn CSH	%	10,45	12,98
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	17,30	21,38

Người lập

Tăng Tổ Vân

Bình Dương, ngày 03 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Trần Thế Hưng

